

---

# NGHIÊN CỨU/RESEARCH

---

## Về danh ngữ tiếng Việt

Nguyễn Lân Trung\*

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 18 tháng 2 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 11 tháng 4 năm 2013; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 6 năm 2013

**Tóm tắt:** Trong Việt ngữ học, vấn đề cấu trúc danh ngữ đã được nghiên cứu nhiều và đã có nhiều kết quả thuyết phục. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề cần được tiếp tục thảo luận và làm sáng tỏ. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày quan niệm của mình về việc nhận diện và phân xuất các thành phần cấu thành danh ngữ, trên cơ sở đó xác lập mô hình cấu trúc danh ngữ. Việc miêu tả cú pháp danh ngữ được thực hiện dựa trên quan điểm ngữ pháp ngữ nghĩa.

*Từ khóa:* danh ngữ, danh từ, định từ, số từ, quan hệ chính phụ.

### 1. Khái quát về danh ngữ

Danh ngữ là cụm từ tự do có quan hệ chính phụ và có danh từ làm thành tố trung tâm. Ở dạng đầy đủ, danh ngữ gồm ba phần: phần trung tâm, phần phụ trước và phần phụ sau. Tuy nhiên, không phải lúc nào danh ngữ cũng phải có đầy đủ cả ba thành phần trên.

Ví dụ:

- Bác Hồ về thăm quê hương Nghệ An.
- Buổi sáng, trời trong xanh.
- Con mu này, tôi nói nhiều lần rồi.
- Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!

Trong danh ngữ tiếng Việt, không có loại thành tố phụ nào có trật tự tự do đến mức lúc đứng ở trước thành tố trung tâm, lúc đứng ở sau thành tố trung tâm : cùng một thành tố phụ bao giờ cũng chỉ có thể đứng trước hoặc đứng sau thành tố trung tâm. Lấy một ví dụ trong tiếng Pháp. Tính từ "grand" có thể làm thành tố phụ của danh từ trung tâm, khi thì đứng trước danh từ trung tâm, khi thì đứng sau danh từ trung tâm:

- C'est un grand homme. → - Đó là một con người vĩ đại.

- C'est un homme grand. → - Đó là một người đàn ông cao lớn.

Trong khi đó, như ví dụ trên đã chỉ rõ, tính từ trong tiếng Việt chỉ có thể đứng đằng sau mà

---

\*ĐT: 84-903407183

E-mail: nnlly@yahoo.com

không bao giờ có thể đứng đằng trước danh từ được.

Giữa phần phụ trước và phần phụ sau của danh ngữ, có những đặc điểm khác biệt nhau rất cơ bản. Cụ thể là:

- Phần phụ trước có số lượng khá hạn chế, trong khi phần phụ sau có số lượng có thể nói là vô hạn.

- Phần phụ trước chỉ bao gồm các loại số từ (không kể tình thái từ), phần phụ sau gồm các từ loại đa dạng hơn và cấu tạo cũng đa dạng hơn, có thể là một từ, một ngữ hay cả một cú phụ.

- Các số từ của phần phụ trước có vị trí được xác định nghiêm ngặt trong khi các từ, ngữ, cú thuộc phần phụ sau không phải bao giờ cũng có thể quy về một vị trí cố định.

- Về mặt ý nghĩa, phần phụ trước có vai trò cung cấp thêm một thông tin, một chi tiết cho danh từ trung tâm mà không hạn định hay khu biệt khái niệm do danh từ trung tâm biểu đạt (những quyển sách, hai quyển sách, dăm quyển sách, toàn bộ sách, mỗi quyển sách, ba căn sách, ...), trong khi đó phần phụ sau thường có vai trò (hoặc ít nhất cũng có khả năng) hạn định khái niệm của danh từ trung tâm hoặc khu biệt các bộ phận với nhau (quyển sách cũ, quyển sách của tôi, quyển sách ấy, quyển sách thứ ba, quyển sách tôi mua, ...).

**Xét về mặt chức năng**, danh ngữ có thể thực hiện các chức năng như chức năng của

danh từ (làm chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, khởi ngữ ...).

## 2. Phần trung tâm danh ngữ

Phần trung tâm danh ngữ do các danh từ đảm nhiệm. Có thể đó là các danh từ riêng hay các danh từ chung.

Khi phần trung tâm do danh từ riêng đảm nhiệm, có nghĩa là có tính xác định cao, thì các danh từ riêng này không có (hoặc ít có) nhu cầu bổ sung ý nghĩa bằng các phần phụ trước, phần phụ sau. Chúng thường đứng một mình. Tuy nhiên khi các danh từ riêng được dùng để chỉ lớp sự vật có một đặc tính điển hình chung hoặc khi một sắc thái biểu cảm hay tu từ nào đó được đặt ra, hoặc khi có sự trùng tên, cần phân biệt các sự vật thì các phần phụ trước và phần phụ sau có thể xuất hiện.

Ví dụ:

- Đó là những Thánh Gióng của đất nước hôm nay.

- Một Paris hoa lệ lại hiện về.

- Anh hỏi Liên béo hay Liên gầy?

Danh từ chung ở phần trung tâm có thể có cấu trúc đơn nhưng cũng có thể và thường có cấu trúc kép, nghĩa là một tổ hợp gồm hai loại danh từ : danh từ đếm được hoặc danh từ không đếm được và danh từ chỉ loại thể hoặc danh từ chỉ đơn vị tập hợp. Xét về vị trí, danh từ loại thể hay đơn vị tập hợp đứng trước, danh từ đếm được hoặc không đếm được đứng sau:

Danh ngữ	
Phần phụ trước	Phần phụ sau
Phần trung tâm	
- Danh từ loại thể	- Danh từ đếm được
- Danh từ đơn vị - tập hợp	- Danh từ không đếm được

Cấu trúc kép của phần trung tâm danh ngữ là một điểm đặc trưng của tiếng Việt. Sự tồn tại song song hai danh từ, trong đó danh từ đứng trước (nêu chung loại khái quát hoặc đơn vị đo lường) là *trung tâm về mặt ý nghĩa ngữ pháp* và danh từ đứng sau (nêu sự vật cụ thể) là *trung tâm về mặt ý nghĩa từ vựng* cho thấy khó có thể xác định rõ quan hệ chính phụ giữa hai danh từ này, và vì vậy không nên coi danh từ này thuộc phần phụ trước hay phần phụ sau của danh từ kia. Một khi công nhận bản chất quan hệ trong các ngữ (cú pháp) là quan hệ chính phụ thì ta nên coi cả cụm danh từ này là phần trung tâm của danh ngữ, không bị ràng buộc bởi mối quan hệ chính phụ.

Tuy nhiên phần trung tâm này không phải bao giờ cũng xuất hiện trong dạng đầy đủ.

Như đã nói ở phần trên, trong danh ngữ chỉ có phần trung tâm có quan hệ cú pháp với các yếu tố ở bên ngoài ngữ, các phần phụ trước và sau chỉ có mối quan hệ với phần trung tâm hoặc với nhau trong danh ngữ. Hơn nữa, bản chất tiểu loại danh từ không những quy định sự có mặt của các phần phụ trước, sau mà còn ảnh hưởng đến các thành phần khác của ngữ bậc trên hoặc của câu. Đây là đặc điểm cấu trúc tầng bậc của ngôn ngữ, trong đó các mối quan hệ ngữ pháp được xác định ở từng tầng cụ thể, sau đó mới được xem xét trong mối quan hệ với các tầng cao hơn.

### 3. Phần phụ trước

Phần trước trung tâm danh ngữ chủ yếu do các định tố là *số từ* đảm nhiệm. Ngoài ra còn có sự hiện diện của một vài định tố là *tình thái từ*.

Các tiểu loại số từ trong tiếng Việt đều có thể trở thành định tố ở phần trước trung tâm danh ngữ:

- *Số từ xác định* - một, hai, ba, mười hai, hai lăm, ba trăm ... (số đếm tự nhiên)  
- đôi, cặp, chục, tá, trăm, nghìn, vạn, triệu ... (số từ gộp)
- *Số từ phiếm định* - nhiều, ít, một số, vài, một vài, vài ba, dăm bảy, mười, mấy ...
- *Số từ đặc biệt* - một (chỉ số ít), những (chỉ số nhiều phiếm định), các (chỉ số nhiều xác định)
- *Số từ tổng hợp* - cả, tất cả, tất thảy, hết thảy, hết cả, toàn bộ
- *Số từ phân bố* - từng, mỗi, mọi

Bên cạnh đó, các từ tình thái "cái", "mỗi", "những" cũng có thể có mặt ở phần trước trung tâm và giữ chức năng như một định tố, trong đó "cái" được coi là định tố có vị trí tương đối ổn định.

Ví dụ:

- *Cái* thằng cha ấy, khùng hết chỗ nói.
- *Cái* ăn, *cái* uống phải cẩn thận.
- Cả thảy *những* ba đồng bạc.
- Nó mua được *những* 20 vé.
- Chị ấy đưa cho tôi *mỗi* ba quyển.

Như đã nói ở trên, các số từ và tình thái từ thuộc phần trước trung tâm danh ngữ không bao giờ đứng sau trung tâm danh ngữ, và ở vị trí này chúng có một phân bố vị trí rất nghiêm ngặt, không thể hoán đổi, chỉ có thể vắng mặt.

*Xét về vị trí* cụ thể, các tiểu loại số từ là số từ phiếm định, số từ tổng hợp, số từ phân bố đứng ở vị trí đầu tiên và không thể cùng tồn tại. Đặc biệt số từ phân bố không thể kết hợp với các số từ hay tình thái từ khác mà kết hợp trực tiếp với trung tâm danh ngữ. Số từ phiếm định cũng không thể kết hợp với các số từ khác được mà chỉ có thể kết hợp với tình thái từ ở phần trước trung tâm danh ngữ mà thôi. Số từ tổng hợp có nhiều khả năng kết hợp với các số từ và tình thái từ khác (trừ số từ phiếm định và số từ

phân bố, cùng đứng ở vị trí đầu như đã nói ở trên). Tình thái từ "cái", "mỗi", "những" nếu có mặt là từ luôn đứng liền trước trung tâm danh ngữ.

**Về mặt chức năng ngữ pháp**, như đã nói, phần phụ trước và phần phụ sau chỉ có mối quan hệ ngữ pháp với phần trung tâm danh ngữ,

và trong mối quan hệ chính phụ này, các phần phụ có vai trò làm định ngữ cho phần trung tâm : phần phụ trước làm định ngữ trước, phần phụ sau làm định ngữ sau. Các số từ và tình thái từ do đó còn được gọi là định từ : định từ xác định, định từ tổng hợp, định từ phân bố ... Chúng là các định tố của danh ngữ.

Ta có sơ đồ phần phụ trước trung tâm danh ngữ:

	<b>Phần phụ trước</b>	<b>Phần trung tâm</b>
Định tố tổng hợp	Định tố xác định Định tố đặc biệt Định tố phiếm định	Định tố tình thái "cái"
	Định tố phân bố	

**Về mặt ngữ nghĩa**, có một số vấn đề cần lưu ý, liên quan đến các số từ đặc biệt, số từ phiếm định "mấy", số từ phân bố "mỗi" và tình thái từ "cái".

- Các số từ đặc biệt trong tiếng Việt dùng để đối lập trước hết số ít (một) và số nhiều (những, các). Mặt khác, trong số nhiều, các số từ này đối lập số nhiều phiếm định (những) và số nhiều xác định (các). Cũng có thể kể thêm số từ "vắng mặt" để nêu đối lập trong số ít giữa số ít phiếm định (một) và số ít xác định (vắng mặt). Cần phân biệt số từ xác định "một" trong hệ thống số đếm tự nhiên (một, hai, ba, bốn ...) với số từ "một" phiếm định. Số từ phiếm định "mấy" phân biệt với "mấy" là từ để hỏi chung về một số lượng được giả thiết là không lớn lắm. Cũng cần phân biệt số từ đặc biệt "những" và số từ phân bố "mỗi" với các tình thái từ "những", "mỗi" dùng để nhấn mạnh hay biểu thị sắc thái biểu cảm (tình thái từ "những" có nghĩa như "đến", đối lập với "chỉ" và "mỗi", còn tình thái từ "mỗi" có nghĩa như "chỉ", đối lập với "những").

So sánh các câu sau :

- Mỗi vé giá 20.000 đ. và - Mua được mỗi hai vé

- Xếp những quyển sách lại và - Đọc được những ba quyển sách

- Tình thái từ "cái" chiếm một vị trí đặc biệt trong các yếu tố thuộc phần trước trung tâm. Trước hết cần phân biệt danh từ loại thể "cái" với tình thái từ "cái". Danh từ loại thể "cái" có thể được thay thế bằng danh từ loại thể khác, chẳng hạn như "chiếc" : - "cái vé" → - "chiếc vé"; còn tình thái từ "cái" không có khả năng đó. Mặt khác, khác với danh từ loại thể "cái", tình thái từ "cái" có thể được dùng trước mọi tiểu loại danh từ (danh từ trừu tượng, danh từ chỉ chất liệu, chỉ người ...).

#### 4. Phần phụ sau

So với phần trước trung tâm danh ngữ, phần sau trung tâm danh ngữ có tổ chức phức tạp hơn nhiều, đa dạng về cấu tạo, linh hoạt về vị trí, phong phú về ý nghĩa.

**Xét về cấu tạo ngữ pháp**, phần sau trung tâm danh ngữ có thể do một từ, một ngữ hay có một cú phụ đảm nhiệm.

**Về từ loại** mà nói, phần sau trung tâm có thể do một danh từ, một động từ, một tính từ,

một đại từ hay một số từ đảm nhiệm. Các từ này có thể phát triển thành cả một ngữ.

**Xét về cách thức kết hợp với phần trung tâm danh ngữ**, phần sau trung tâm danh ngữ có thể kết hợp được trực tiếp (không dùng kết từ) hoặc gián tiếp (sử dụng kết từ) với phần trung tâm danh ngữ.

**Xét về mặt phân bố**, phần sau trung tâm danh ngữ có thể một lúc có nhiều loại định tố cùng đảm nhiệm. Tuy nói rằng "linh hoạt về vị trí" nhưng dù sao các định tố này cũng thường tuân thủ một trật tự nhất định, chúng chỉ thay đổi vị trí khi người nói muốn nhấn mạnh vào thành tố hạn định này hay thành tố hạn định kia, hoặc vì lý do âm điệu.

Về đại thể, các *định tố chỉ tính* được đặt liền ngay sau phần trung tâm danh ngữ. Trong các định tố chỉ tính thì các định tố nội tính đứng trước, các định tố ngoại tính đứng sau. Trong nội bộ các định tố này, nếu cùng một lúc có nhiều định tố thì định tố nêu đặc tính khái quát đứng trước, các định tố nêu đặc tính khu biệt lần lượt được xếp theo sau, định tố không có kết từ đứng trước, các định tố có kết từ đứng xa hơn, các định tố có độ dài lớn dần cũng được xếp xa dần ... Ví dụ :

**Các định tố nội tính** (tạo nên ngữ có tính chất cố định) :

- bức thư tay - giường một - nhà trong - trống làng

- bức thư ngỏ - nôi nằm - gió nam - thầy văn

- bức thư tình - mâm sầu - thuốc tây - dao rọc giấy

**Các định tố ngoại tính** (tạo nên ngữ tự do):

- bức thư tâm huyết - tháng tư

- bức thư (từ) tiền tuyến - phòng 32

- bức thư (viết, gửi ...) hôm qua - tầng năm

- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I

**Vị trí trong nội bộ các định tố chỉ tính:**  
định tố nội tính đứng sát danh từ hơn, trước định tố ngoại tính

- Bức thư ngỏ từ tiền tuyến

Xếp sau các định tố chỉ tính là các định tố chỉ số thứ tự được gọi là *định tố thứ tự* (thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư, ...).

Xếp sau các định tố thứ tự là các *định tố chỉ định*. Về từ loại, đây là các đại từ chỉ định (này, ấy, nọ, kia, đó, nấy, này, nay ...). Về ý nghĩa, các định tố này chỉ sự vật ở vị trí của nó trong không gian, trong thời gian, trong diễn tiến của quá trình giao tiếp. Như vậy, nó có tác dụng quan trọng đối với nghĩa thực tại hóa của danh ngữ:

- Bức thư ngỏ tâm huyết thứ hai này

Xếp sau các định tố chỉ định là các *định tố sở hữu*. Về từ loại, các định tố này là các đại từ nhân xưng (tôi, anh, nó, chúng tôi ...) và các danh từ (hay danh ngữ). Các định tố này thông thường được gắn với phần trung tâm thông qua kết từ sở hữu "của", nhưng trong tiếng Việt khi quan hệ sở hữu đã rõ và định tố sở hữu đứng sát ngay trung tâm thì kết từ "của" có thể được lược bỏ (đây là đặc điểm cơ bản khác với các ngôn ngữ Ấn - Âu khác).

Xếp sau các định tố sở hữu là các *cú định tố*. Xét về bản chất ngữ pháp, đây là các cú phụ (mệnh đề phụ) được gắn với phần trung tâm danh ngữ thông qua kết từ hoặc không, có chức năng hạn định cho phần trung tâm danh ngữ.

Như đã nói ở trên, các thành tố trong phần sau trung tâm danh ngữ có vị trí tương đối linh hoạt, đặc biệt là vị trí của định tố chỉ định. Trong nhiều trường hợp, định tố này đứng ở vị trí cuối cùng trong phần phụ sau.

So sánh

- Bức thư ngỏ tâm huyết mà chúng tôi đã được đọc ấy

- Bức thư ngỏ tâm huyết ấy mà chúng tôi đã nhận được

Tuy nhiên, để tránh làm lẫn về ý nghĩa, ta không thể nói :

- Bức thư ngỏ của ông ấy  
để thay cho ý :

- Bức thư ngỏ ấy của ông

Ta có sơ đồ phần phụ sau trung tâm danh ngữ :

Phần trung tâm		Phần phụ sau			
Định tố chỉ tính	Định tố	Định tố	Định tố	Định tố	Cú định
Định tố nội tính	Định tố ngoại tính	Định tố thứ tự	Định tố chỉ định	Định tố sở hữu	Cú định tố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ví dụ :

- Bức thư ngỏ (1) tâm huyết (2) thứ hai (3) này (4) của anh ấy (5) mà chúng tôi đã được đọc (6)

- Con gió nam (1) man mát (2) đầu tiên (3) ấy (4) của đồng quê (5) mà lão đang hít thở (6)

**Về mặt chức năng ngữ pháp**, cũng như phần phụ trước, phần phụ sau chỉ có mối quan hệ ngữ pháp với phần trung tâm danh ngữ, và trong mối quan hệ chính phụ này, phần phụ sau có chức năng hạn định cho phần trung tâm. Về mặt này, có thể nói trong khi phần phụ trước chỉ gia thêm một chi tiết không có tác dụng đến ngoại diên của khái niệm nêu ở phần trung tâm thì phần phụ sau trái lại có tác dụng (hay tiềm ẩn khả năng) nêu một chi tiết hạn định ngoại diên của khái niệm, khu biệt bộ phận sự vật này với bộ phận sự vật khác.

Cũng cần lưu ý rằng, nếu như các định tố ở phần trước trung tâm không có khả năng phát triển về độ dài thì các định tố ở phần sau trung tâm có thể mở rộng trên lý thuyết là không hạn chế, có thể vài dòng đến hàng đoạn, hàng trang.

**Về mặt ngữ nghĩa**, một số vấn đề liên quan đến định tố mang tính chất *hạn định* (délimitatif) và định tố mang tính chất *minh định* (explicatif), cũng như các loại *định tố chỉ*

*tính, định tố sở hữu* ... là những vấn đề đã được lưu tâm trong những nghiên cứu trước đây, đến nay vẫn còn nguyên giá trị thời sự của nó.

Như vậy trong quan niệm của chúng tôi, vấn đề quan trọng đầu tiên trong miêu tả cấu trúc của một ngữ cú pháp, mà đặc trưng là một cú có quan hệ chính - phụ, là xác định các yếu tố cấu thành của thành phần chính và các yếu tố thuộc thành phần phụ. Đối với danh ngữ, chúng tôi cho rằng thành phần chính gồm các danh từ loại thể và danh từ đơn vị - tập hợp đứng trước các danh từ đếm được hoặc không đếm được. Thành phần phụ trong danh ngữ gồm các loại định tố được phân bố trước và sau thành phần chính. Danh từ loại thể và mối quan hệ của nó trong thành phần trung tâm danh ngữ, sự có mặt và ý nghĩa dụng học tinh tế của các định tố tình thái, vị trí nghiêm ngặt trong phân bố các định tố trước cũng như việc phân định các định tố nội tính / ngoại tính và sự đa dạng của các cú định tố là những vấn đề cần được lưu ý quan tâm nhất trong nghiên cứu danh ngữ.

Nghiên cứu ngữ danh từ trong tiếng Việt có một truyền thống lâu dài và đã có nhiều kết quả thuyết phục. Tuy nhiên vẫn còn những vấn đề cần được tiếp tục thảo luận và làm sáng tỏ. Bài viết này tuy đã cố gắng nhưng chắc không tránh khỏi những khiếm khuyết, mong nhận được ý

kiến trao đổi từ các đồng nghiệp, các nhà nghiên cứu.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Diệp Quang Ban, Ngữ pháp tiếng Việt (tái bản lần thứ nhất), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008.
- [2] Nguyễn Tài Cẩn, Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975.
- [3] Hoàng Trọng Phiến, Ngữ pháp tiếng Việt: Câu, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2008.
- [4] Nguyễn Kim Thân, Cơ sở ngữ pháp tiếng Việt, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2008.
- [5] Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, Thành phần câu tiếng Việt, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1998.
- [6] Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Ngữ pháp tiếng Việt (in lần thứ ba), Nxb Khoa học xã hội, 2002.
- [7] Nguyễn Lâm Trung, Questions de linguistique contrastive du vietnamien et du français, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.
- [8] Nguyễn Lâm Trung, Mệnh đề phụ trong câu tiếng Pháp và tiếng Việt (in lần thứ hai), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2013.

## On Vietnamese nominal phrase

Nguyễn Lâm Trung

*University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi,  
Phạm Văn Đồng street, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** In Vietnamese linguistics, nominal phrase structure has been much investigated and has brought about persuasive findings. However, there still remain some issues yet to be discussed and clarified. In this paper, we present our opinions about the identification and the parsing of the constituents of nominal phrases, based on which we establish a model of nominal phrase structure. The description of nominal phrase syntactic structure is made from semantico-grammatical perspective.

*Keywords:* nominal phrase, noun, determiner, numeral, hypotaxis/subordination.